TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12.11.2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trịnh Văn Bạo** và **ông Nguyễn Công Chi**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Ông Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26.10.2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T - Sinh năm 1984.có mặt
- Bị đơn: Ông Lâm Quang D - Sinh năm 1980.có mặt

Cùng trú tại: Số 44 ĐNP, phường HM, quận L, Tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lâm Quang D đăng ký kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND phường CG, quận TK, Tp Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, tôi đã nhiều lần cố gắng để sống hạnh phúc cùng chồng nhưng chồng vẫn không thay đổi vào tháng 01 năm 2018 tôi đã gửi đơn ly hôn nhưng vì mong ông D thay đổi nên tôi đã rút đơn ly hôn về nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với với ông Lâm Quang D.

+ Về con chung: Tôi xác nhận có 03 con chung tên là Lâm Quang H - sinh ngày 22.07.2006, Lâm Bảo C - sinh ngày 20.02.2012, Lâm Bảo N - sinh ngày 20.02.2012. Ly hôn tôi xin nuôi 03 con chung Lâm Quang H, Lâm Bảo C, Lâm Bảo N và không yêu cầu ông Lâm Quang D cấp dưỡng nuôi con. Nếu ông D muốn nuôi con thì tôi giao con chung Quang H cho ông Dũng nuôi dưỡng, riêng hai con chung Bảo C và Bảo N còn nhỏ nên tôi xin nuôi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác nhận không có.

* **Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Lâm Quang D trình bày:** + Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày bà Trần Thị Thanh T về thời gian kết hôn cũng như sau khi kết hôn. Trong quá chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn tuy nhiên mâu thuẫn không có gì lớn, tôi vẫn còn yêu thương vợ tôi,

con tôi còn nhỏ cần có cha mẹ chăm sóc nên tôi không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án cho chúng tôi về đoàn tụ lại với nhau.

+ Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận có 03 con chung tên là Lâm Quang H - sinh ngày 22.07.2006, Lâm Bảo C - sinh ngày 20.02.2012, Lâm Bảo N - sinh ngày 20.02.2012. Trong trường hợp ly hôn tôi xin nuôi 03 con chung Lâm Quang H, Lâm Bảo C, Lâm Bảo N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác nhận không có.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẩn của bà T và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẩn vợ chồng đã được UBND phường HM xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về con chung có 03 con chung tên là Lâm Quang H - sinh ngày 22.07.2006, Lâm Bảo C - sinh ngày 20.02.2012, Lâm Bảo N- sinh ngày 20.02.2012. Hai con chung Bảo C và Bảo N còn nhỏ nên đề nghị HĐXX giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Đối với con chung Lâm Quang H đề nghị HĐXX giao cho ông D nuôi dưỡng chăm sóc là hoàn toàn phù hợp với Điều 81,Điều 82 Luật HN&GĐ.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Thúy và ông Dũng xác nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Lâm Quang D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T và ông Lâm Quang D thì thấy:

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** bà Trần Thị Thanh T và ông Lâm Quang D kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND phường CG, quận TK, Tp Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẩn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, vào tháng 01 năm

2018 bà T đã một lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vì con chung nên bà đã rút đơn về chỉ mong ông D nhận thấy những bất hòa trong cuộc sống, cùng nhau sửa đổi để gia đình được hạnh phúc nhưng ông D vẫn không thay đổi, cuộc sống hôn nhân vẫn rơi vào bế tắc, nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với với ông Lâm Quang D.

Ông D cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẩn tuy nhiên đó là mâu thuẩn không lớn ông D mong muốn bà T suy nghĩ lại để gia đình được đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn cương quyết xin ly hôn nên ông D đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Theo đơn xác nhận tại UBND phường HM, quận L, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông D mâu thuẩn như thế nào chính quyền địa phương không rõ, theo đơn trình bày của bà T có xác nhận của chính quyền địa phương thì cuộc sống giữa bà T và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, do ông D uống rượu bia về thì có hành vi đe dọa bà T nhưng vì bản thân bà T làm nghề giáo dục nên không muốn làm lớn chuyện để ảnh hưởng đến hàng xóm và con cái, mặc khác vào tháng 01 năm 2018 bà T đã một lần gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án vì muốn tạo cho ông D một cơ hội nên bà T đã rút đơn ly hôn về nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] ***Về quan hệ con chung:*** Bà T và ông D xác nhận có 03 con chung tên là Lâm Quang H - sinh ngày 22.07.2006, Lâm Bảo C - sinh ngày 20.02.2012, Lâm Bảo N - sinh ngày 20.02.2012.

Tại phiên tòa hôm nay bà T nhất trí giao con chung Lâm Quang H cho ông D nuôi dưỡng, con hai con Lâm Bảo C, Lâm Bảo N bà T xin nuôi và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy hiện nay hai con chung Lâm Bảo C, Lâm Bảo N còn nhỏ nên giao cho bà T nuôi dưỡng, còn con chung Lâm Quang H giao cho ông D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81,83 Luật HNGĐ năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] ***Về tài sản chung, nợ chung:*** bà T và ông D đều xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà T và ông D có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Lâm Quang D.

Tuyên xử: bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1984, được ly hôn với ông Lâm Quang D, sinh năm 1980.

Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2005 ngày 13.9.2005 của UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên:

- Giao con chung Lâm Quang H, sinh ngày 22.07.2006 cho ông Lâm Quang D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành

- Giao hai con chung Lâm Bảo C, sinh ngày 20.02.2012 và Lâm Bảo N, sinh ngày 20.02.2012 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. ***Về tài sản chung, nợ chung***: Bà T và ông D khai nhận không có

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Thanh T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số **0005796** ngày 09.10.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cụcThi hành án Liên Chiểu;
- UBND p Chính Gián quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy